

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa
thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 406/QĐ-UBND ngày 02/02/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2026 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 895/TTr-SNNMT ngày 18/9/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường, chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong phạm vi thẩm quyền có trách nhiệm:

1. Triển khai thực hiện theo đúng nội dung quy định tại phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường đã được Chủ tịch UBND tỉnh thông qua tại Điều 1 của Quyết định này.

2. Rà soát, tham mưu UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc tham mưu UBND tỉnh có văn bản kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các quy định, thủ tục hành chính trong các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để đảm bảo thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính đã được phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này.

Điều 3. Giao Văn phòng UBND tỉnh theo dõi, đôn đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện Quyết định này; tổng hợp vướng mắc để kịp thời báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh tháo gỡ trong quá trình thực thi Phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính được Chủ tịch UBND tỉnh thông qua tại Điều 1 của Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận: 

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục KSTTHC - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các xã, phường;
- PCVP UBND tỉnh (đ/c Khánh);
- Các Phòng, TT: NNMT, HCQT, CN&CTTĐT;
- Lưu: VT, PVHCC (B_03b).



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thiên Văn

Số: 10496/SNNMT-VP
V/v triển khai phương án cắt giảm, đơn giản
hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động
sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi chức năng
quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường

Đắk Lắk, ngày 29 tháng 9 năm 2026

Kính gửi:

- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các xã, phường;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ Nghị quyết 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số Thông tư liên quan phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Ngày 24/9/2026, Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 3083/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Theo Quyết định, phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính (TTHC) gồm 07 TTHC thuộc các lĩnh vực: trồng trọt và bảo vệ thực vật, lâm nghiệp và kiểm lâm, kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn. Các nội dung đơn giản hóa tập trung vào việc giảm thành phần hồ sơ, hạn chế yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp lại những thông tin, tài liệu mà cơ quan Nhà nước đã có, có thể khai thác từ hồ sơ lưu trữ, cơ sở dữ liệu hoặc hệ thống thông tin, một số giấy tờ không cần thiết.

1. Danh mục TTHC được phê duyệt phương án cắt giảm

1.1 Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (Mã số TTHC: 1.004363):

Hợp nhất Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật và Bản thuyết minh điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật thành 01 biểu mẫu, đồng thời loại bỏ các trường thông tin trùng lặp nhằm giảm số lượng biểu mẫu và thời gian chuẩn bị hồ sơ.

1.2. Thủ tục Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh (Mã số TTHC: 1.000071):

Không yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại văn kiện chương trình, dự án hoặc hồ sơ mô tả hoạt động phi dự án nếu tài liệu đã được cơ quan giải quyết TTHC tiếp nhận, lưu trữ, còn giá trị sử dụng và có thể khai thác được.

1.3. Thủ tục Nộp tiền trồng rừng thay thế (Mã số TTHC: 1.007916):

Không yêu cầu chủ dự án nộp bản sao văn bản chấp thuận chủ trương, cho phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nếu cơ quan giải quyết TTHC có thể khai thác đầy đủ, chính xác văn bản còn giá trị sử dụng từ hồ sơ lưu trữ, cơ sở dữ liệu hoặc hệ thống thông tin.

1.4. Thủ tục Công nhận làng nghề (Mã số TTHC: 1.003695):

Không yêu cầu nộp văn bản chứng minh đáp ứng điều kiện về bảo vệ môi trường trong trường hợp cơ quan giải quyết TTHC có thể khai thác hoặc xác minh đầy đủ, chính xác thông tin còn giá trị sử dụng từ cơ sở dữ liệu, hồ sơ lưu trữ hoặc cơ quan chuyên môn về môi trường.

1.5. Thủ tục Công nhận nghề truyền thống (Mã số TTHC: 1.003712):

Bãi bỏ yêu cầu nộp bản sao giấy công nhận Nghề nhân nghề truyền thống của cơ quan có thẩm quyền (nếu có); cơ quan giải quyết TTHC chủ động tra cứu, xác minh thông tin khi cần thiết.

1.6. Thủ tục Công nhận làng nghề truyền thống (Mã số TTHC: 1.003727):

Không yêu cầu nộp văn bản chứng minh điều kiện về bảo vệ môi trường khi cơ quan giải quyết có thể khai thác, xác minh được thông tin; đồng thời, bãi bỏ yêu cầu nộp bản sao giấy công nhận Nghề nhân nghề truyền thống theo trường hợp quy định.

1.7. Thủ tục Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức (Mã số TTHC: 1.012689):

Không yêu cầu tổ chức nộp lại bản sao quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác hoặc bản sao văn bản chấp thuận, quyết định chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền của HĐND cấp tỉnh, trong trường hợp cơ quan giải quyết có thể khai thác đầy đủ, chính xác các văn bản còn giá trị sử dụng từ hồ sơ lưu trữ, cơ sở dữ liệu hoặc hệ thống thông tin.

2. Các Sở, ban, ngành và UBND cấp xã

Để đảm bảo việc tiếp nhận hồ sơ, giải quyết TTHC được thuận lợi, thông suốt, hiệu quả, thống nhất trên địa bàn tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường đề nghị các Sở, ban, ngành và UBND các xã, phường phối hợp thực hiện các nhiệm vụ sau:

2.1. Các Sở, ban, ngành

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý nhà nước được giao, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong quá trình triển khai thực hiện phương án; chủ động khai thác, chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu thuộc phạm vi quản lý

(nếu có) để phục vụ giải quyết TTHC, hạn chế yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp lại các giấy tờ, tài liệu mà cơ quan nhà nước đã có và có thể khai thác được.

2.2. UBND các xã, phường

- Triển khai thông tin, tuyên truyền đến tổ chức, cá nhân trên địa bàn về chủ trương cắt giảm, đơn giản hóa TTHC; phối hợp với các cơ quan chuyên môn trong việc khai thác, xác minh, cung cấp thông tin, dữ liệu thuộc phạm vi quản lý khi có yêu cầu phục vụ giải quyết TTHC.

- Trong quá trình tiếp nhận, giải quyết TTHC thuộc phạm vi phương án được phê duyệt cần thực hiện theo đúng các quy định hiện hành; đồng thời, chủ động rà soát, đề xuất xử lý những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

Sở Nông nghiệp và Môi trường đề nghị các cơ quan quan tâm, phối hợp tuyên truyền và đăng tải lên Trang thông tin điện tử của đơn vị mình để tổ chức, cá nhân được biết. / *Nguyễn Thái Hòa*

Nơi nhận: *Nguyễn Thái Hòa*

- Như trên;
- Giám đốc Sở (b/c);
- Các PGĐ Sở;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở;
- Lãnh đạo VP Sở;
- Lưu: VT, VP (Toàn).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thái Hòa
Nguyễn Thái Hòa

Phụ lục

PHƯƠNG ÁN CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày /9/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (Mã số TTHC: 1.004363)

1.1. Nội dung đơn giản hóa

Hợp nhất Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (Mẫu số 3) và Bản thuyết minh điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (Mẫu số 4) tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ thành 01 biểu mẫu; đồng thời rà soát, loại bỏ các trường thông tin trùng lặp giữa hai biểu mẫu. Việc hợp nhất nhằm giảm số lượng biểu mẫu phải kê khai, rút ngắn thời gian chuẩn bị hồ sơ nhưng vẫn bảo đảm đầy đủ thông tin phục vụ thẩm định, kiểm tra và giải quyết thủ tục hành chính (TTHC).

1.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định về thành phần hồ sơ và biểu mẫu của thủ tục theo hướng hợp nhất Mẫu số 3 và Mẫu số 4 tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP thành 01 biểu mẫu; rà soát, loại bỏ các trường thông tin trùng lặp, đồng thời bảo đảm biểu mẫu sau hợp nhất vẫn có đầy đủ thông tin cần thiết cho việc thẩm định, kiểm tra và giải quyết TTHC.

1.3. Lợi ích dự kiến của phương án đơn giản hóa: Giảm số lượng biểu mẫu phải kê khai, hạn chế kê khai trùng lặp, giảm thời gian và chi phí chuẩn bị hồ sơ của tổ chức, cá nhân; đồng thời thuận lợi hơn cho cơ quan có thẩm quyền trong quá trình tiếp nhận, thẩm định và giải quyết TTHC.

2. Thủ tục Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh (Mã số TTHC: 1.000071).

2.1. Nội dung đơn giản hóa

Không yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại Văn kiện chương trình, Văn kiện dự án hoặc hồ sơ mô tả hoạt động phi dự án nếu tài liệu này đã được cơ quan giải quyết TTHC tiếp nhận, lưu trữ trong hồ sơ của thủ tục trước đó, còn giá trị sử dụng và có thể khai thác được. Cơ quan giải quyết TTHC chủ động khai thác, sử

dụng thông tin, tài liệu đã có; chỉ yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp hoặc cập nhật phần tài liệu có thay đổi, chưa có hoặc không thể khai thác từ hồ sơ, cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin.

2.2. Kiến nghị thực thi:

Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 84 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp theo hướng cho phép tái sử dụng văn kiện đã có khi đáp ứng các điều kiện nêu tại mục 2.1; đồng thời quy định rõ trách nhiệm tra cứu, đối chiếu và lưu kết quả khai thác. Trường hợp không có dữ liệu, dữ liệu không đầy đủ, không chính xác hoặc không thể khai thác, việc yêu cầu bổ sung hồ sơ thực hiện theo quy định.

2.3. Lợi ích dự kiến của phương án đơn giản hóa: Hạn chế việc tổ chức, cá nhân phải nộp lại tài liệu đã được cơ quan nhà nước tiếp nhận, lưu trữ; tăng hiệu quả khai thác hồ sơ điện tử và cơ sở dữ liệu của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng; qua đó góp phần rút ngắn thời gian chuẩn bị, tiếp nhận và thẩm định hồ sơ.

3. Thủ tục Nộp tiền trồng rừng thay thế (Mã số TTHC: 1.007916).

3.1. Nội dung đơn giản hóa:

Không yêu cầu chủ dự án nộp bản sao văn bản chấp thuận chủ trương, cho phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến diện tích phải thực hiện nghĩa vụ nộp tiền trồng rừng thay thế, nếu cơ quan giải quyết TTHC có thể khai thác đầy đủ, chính xác văn bản còn giá trị sử dụng từ hồ sơ đã lưu trữ, cơ sở dữ liệu hoặc hệ thống thông tin.

Cơ quan giải quyết TTHC chủ động tra cứu, đối chiếu thông tin về dự án và diện tích phải thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế; lưu kết quả khai thác trong hồ sơ giải quyết. Trường hợp không khai thác được hoặc thông tin chưa đầy đủ, chưa chính xác, việc yêu cầu bổ sung hồ sơ thực hiện theo quy định.

Lý do đề nghị:

- Văn bản do cơ quan nhà nước ban hành có thể được tái sử dụng khi đáp ứng điều kiện về khả năng khai thác, đối chiếu và giá trị sử dụng;
- Giảm chi phí sao chụp, chuẩn bị và nộp lại giấy tờ cho chủ dự án;
- Tăng cường trách nhiệm phối hợp, khai thác và chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước.

3.2. Kiến nghị thực thi:

Đề nghị Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 11 Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 quy định

chi tiết một số nội dung của Luật Lâm nghiệp và sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm theo nội dung tại mục 3.1; đồng thời quy định rõ trách nhiệm tra cứu, đối chiếu và lưu kết quả khai thác. Giữ nguyên yêu cầu đối với văn bản đề nghị chấp thuận nộp tiền trồng rừng thay thế tại điểm a khoản 2 Điều 11; không mở rộng phạm vi cắt giảm sang các thành phần hồ sơ khác.

3.3. Lợi ích dự kiến của phương án đơn giản hóa: Giảm giấy tờ phải sao chụp, nộp lại; rút ngắn thời gian chuẩn bị và xử lý hồ sơ thực hiện nghĩa vụ tài chính của chủ dự án; đồng thời nâng cao hiệu quả khai thác, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan quản lý.

4. Thủ tục Công nhận làng nghề (Mã số TTHC: 1.003695).

4.1. Nội dung đơn giản hóa:

Không yêu cầu nộp văn bản chứng minh đáp ứng điều kiện về bảo vệ môi trường khi cơ quan giải quyết TTHC có thể khai thác hoặc xác minh đầy đủ, chính xác thông tin còn giá trị sử dụng từ cơ sở dữ liệu, hồ sơ đã lưu trữ hoặc cơ quan chuyên môn về môi trường. Việc đơn giản hóa thành phần hồ sơ không làm thay đổi tiêu chí về bảo vệ môi trường đối với việc công nhận làng nghề.

4.2. Kiến nghị thực thi:

Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 6 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn theo nội dung tại mục 4.1; quy định rõ trách nhiệm khai thác, xác minh thông tin và phương thức xử lý trường hợp dữ liệu chưa đầy đủ để đánh giá điều kiện về bảo vệ môi trường. Đối với trường hợp phù hợp, nghiên cứu quy định hình thức thay thế bằng cam kết bảo vệ môi trường hoặc xác nhận của cơ quan chuyên môn có thẩm quyền, bảo đảm không làm phát sinh thêm thủ tục không cần thiết.

4.3. Lợi ích dự kiến của phương án đơn giản hóa: Giảm việc tổ chức, cá nhân phải xin cấp lại hoặc nộp lại tài liệu chứng minh điều kiện về bảo vệ môi trường đã được cơ quan nhà nước quản lý; tăng cường khai thác, trao đổi dữ liệu giữa cơ quan quản lý ngành nghề nông thôn và cơ quan quản lý môi trường; góp phần rút ngắn thời gian chuẩn bị và thẩm định hồ sơ.

5. Thủ tục Công nhận nghề truyền thống (Mã số TTHC: 1.003712).

5.1. Nội dung đơn giản hóa:

Bãi bỏ yêu cầu nộp bản sao giấy công nhận Nghề nhân nghề truyền thống của cơ quan có thẩm quyền (nếu có). Khi cần thiết để đánh giá tiêu chí công nhận

nghề truyền thống, cơ quan giải quyết TTHC chủ động tra cứu, xác minh thông tin về việc công nhận nghề nhân.

Lý do đề nghị: Giấy công nhận Nghề nhân nghề truyền thống chỉ phát sinh trong trường hợp tổ chức, cá nhân đã có giấy công nhận, không phải là thành phần bắt buộc đối với mọi hồ sơ. Thông tin này do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý và có thể được trao đổi, xác minh giữa các cơ quan. Việc bãi bỏ yêu cầu nộp bản sao không làm thay đổi tiêu chí công nhận nghề truyền thống.

5.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 6 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn theo nội dung tại mục 5.1; đồng thời quy định rõ trách nhiệm tra cứu, xác minh thông tin, không chuyển yêu cầu nộp bản sao sang hình thức xác nhận khác làm phát sinh thêm thủ tục cho tổ chức, cá nhân.

5.3. Lợi ích dự kiến của phương án đơn giản hóa: Loại bỏ việc phải cung cấp lại thông tin về Nghề nhân nghề truyền thống đã được cơ quan nhà nước công nhận; giảm giấy tờ trong hồ sơ, khuyến khích khai thác dữ liệu điện tử và tạo thuận lợi cho việc công nhận, bảo tồn và phát triển nghề truyền thống tại địa phương.

6. Thủ tục Công nhận làng nghề truyền thống (Mã số TTHC: 1.003727).

6.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Không yêu cầu nộp văn bản chứng minh đáp ứng điều kiện về bảo vệ môi trường khi cơ quan giải quyết TTHC có thể khai thác hoặc xác minh đầy đủ, chính xác thông tin còn giá trị sử dụng từ hồ sơ đã lưu trữ, cơ sở dữ liệu hoặc cơ quan chuyên môn về môi trường. Giữ nguyên tiêu chí về bảo vệ môi trường đối với việc công nhận làng nghề truyền thống.

- Bãi bỏ yêu cầu nộp bản sao giấy công nhận Nghề nhân nghề truyền thống của cơ quan có thẩm quyền (nếu có); cơ quan giải quyết TTHC chủ động tra cứu, xác minh khi cần thiết. Việc cắt giảm chỉ áp dụng đối với thành phần hồ sơ tương ứng phải nộp theo từng trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP; không yêu cầu nộp lại hồ sơ đã được sử dụng để công nhận nghề truyền thống hoặc làng nghề.

6.2. Kiến nghị thực thi:

Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1, điểm c khoản 2 và các quy định dẫn chiếu tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn để bảo đảm thống nhất với nội dung đơn giản hóa tại mục 6.1;

đồng thời quy định trách nhiệm tra cứu, xác minh và xử lý trường hợp chưa khai thác được dữ liệu.

6.3. Lợi ích dự kiến của phương án đơn giản hóa: Giảm số lượng tài liệu chứng minh phải nộp đối với trường hợp thông tin về môi trường và nghệ nhân đã được cơ quan nhà nước quản lý; góp phần rút ngắn thời gian chuẩn bị, thẩm định hồ sơ và tạo thuận lợi cho việc công nhận làng nghề truyền thống.

7. Thủ tục Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức (Mã số TTHC: 1.012689).

7.1. Nội dung đơn giản hóa:

Không yêu cầu tổ chức nộp lại bản sao quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác hoặc bản sao văn bản chấp thuận, quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền của HĐND cấp tỉnh theo điểm b khoản 2 Điều 42 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Điều 20 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP), nếu cơ quan giải quyết TTHC có thể khai thác đầy đủ, chính xác văn bản còn giá trị sử dụng từ hồ sơ đã lưu trữ, cơ sở dữ liệu hoặc hệ thống thông tin.

7.2. Kiến nghị thực thi:

- Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 42 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại Điều 20 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ) theo nội dung tại mục 7.1. Phạm vi cắt giảm chỉ gồm bản sao quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác và văn bản chấp thuận, quyết định chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền của HĐND cấp tỉnh; không áp dụng đối với văn bản chấp thuận, quyết định chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền của Quốc hội hoặc Thủ tướng Chính phủ.

- Cơ quan giải quyết TTHC chủ động tra cứu, khai thác và đối chiếu thông tin về dự án đề nghị quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; lưu kết quả khai thác trong hồ sơ giải quyết. Trường hợp không khai thác được hoặc thông tin chưa đầy đủ, chưa chính xác, việc yêu cầu bổ sung hồ sơ thực hiện theo quy định.

7.3. Lợi ích dự kiến của phương án đơn giản hóa: Giảm giấy tờ phải nộp lại, tăng hiệu quả khai thác dữ liệu liên thông giữa các cơ quan; góp phần rút ngắn thời gian chuẩn bị, thẩm định hồ sơ và hỗ trợ đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án./.